

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 10 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Bà Phan Thị Mỹ Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Ksor Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

K, sinh năm 1990 tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: buôn Ồ, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông P và bà H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2018, đến ngày 20/12/2018 chuyển sang tạm giam, giam liên tục cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh P, sinh năm 1992;

Địa chỉ: buôn Ồ, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ Ông N, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người làm chứng: Ông G, sinh năm 1954;

Địa chỉ: buôn O, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người phiên dịch tiếng Jrai*: Anh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 05/7/2018, K đi đến trước cổng nhà chị A trú cùng buôn thì gặp V điều khiển xe mô tô vừa đến. Thấy V có xe mô tô nên K nảy sinh ý định rủ V cùng đi trộm cắp dê của anh P nhưng V không đồng ý. Đến khoảng 02 giờ ngày 06/07/2018, K lén lút đến chuồng dê của anh P trú cùng buôn trộm cắp 01 con dê cái lông màu trắng-đen, loại dê cỏ, có trọng lượng khoảng 17kg thì bị ông G ở gần đó phát hiện, K ôm con dê chạy ra đường liên thôn thì gặp V, thấy K có dê nên V hỏi mua và K đồng ý bán. Sau đó V chở K cùng con dê trộm được chạy về hướng thị trấn P. Trên đường đi, V có gọi điện thoại cho ông N (bố vợ V) mượn 500.000 đồng để mua dê. Ông N đồng ý và gọi H (con trai ông N) cầm tiền đi đưa cho V. Khi đi đến buôn D, xã I thì N gặp và đưa tiền cho V rồi đi về. V mua con dê trộm cắp được giá 400.000 đồng rồi V chở con dê về rẫy mỳ của mình ở tổ dân phố X, thị trấn P để cất giấu tại đó.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐG, ngày 20/7/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 (một) con dê cái (dê sinh sản) màu lông trắng – đen trọng lượng 17kg (giống dê địa phương), có giá là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Ngày 31/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với K. Nhưng sau đó K đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra Quyết định truy nã bị can ngày 30/11/2018 thì đến ngày 17/12/2018 mới bắt được K.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đối với V là người đã mua con dê của bị cáo K. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can với V về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự. Nhưng sau khi khởi tố thì bị can V đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Pa đã ra Quyết định truy nã số 04 ngày 30/11/2018 đối với V. Ngày 31/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Pa đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để điều tra, xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 06/CTr - VKS ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo K vào tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS: xử phạt bị cáo K từ 06 đến 09 tháng tù. Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 02 giờ ngày 06/07/2018, tại buôn O, xã I, K đã lợi dụng điều kiện tài sản của chủ sở hữu không có người trông coi, quản lý nên đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp 01 con dê cái có trọng lượng 17kg của anh P có trị giá 2.300.000 đồng, nhằm chiếm đoạt tài sản với động cơ, mục đích tư lợi cá nhân bán lấy tiền tiêu xài, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Hành vi phạm tội của bị cáo K rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ pháp lý.

Lời nhận tội của bị cáo K tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Khoa đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo K về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Hành vi của bị cáo K không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 của BLHS là phù hợp.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

Bị cáo K là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

Xét thấy thì bị cáo K là người một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo K phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự trong vụ án này. Tuy nhiên bị cáo K không có tình tiết tăng nặng, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thì bị cáo tỏ ra thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Bên cạnh đó bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, có nhận thức về pháp luật, xã hội còn hạn chế, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn của huyện K, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo K lần đầu thực hiện hành vi phạm tội một mình, tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn. Bên cạnh đó, bị cáo là người có nhân thân tốt, trước đó không có sai phạm gì, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pa ra Quyết định truy nã bị cáo và đến ngày 17/12/2018 mới bắt được bị cáo. Việc trốn tránh của bị cáo K đã gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, làm kéo dài vụ án thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Nên cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng xã hội một thời gian nhất định. Nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục, cải tạo, trừng trị nói riêng đối với bị cáo, tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội tại địa phương.

Đối với V thì trong giai đoạn khởi tố vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can với V về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 BLHS. Hiện bị can V đã bỏ trốn khỏi địa phương và đang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra Quyết định truy nã. Nhưng do hết thời hạn điều tra vụ án mà chưa bắt được V nên ngày 31/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để điều tra, xử lý đối với V khi bắt được sau này là phù hợp. Nay HĐXX không đề cập đến.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã chiếm đoạt của anh P 01 con dê có trọng lượng 17kg, trị giá 2.300.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ và trả lại cho bị hại xong. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, anh H không có yêu cầu gì vì bị can V đã bỏ trốn.

Nay tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm về dân sự; giữa bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị hại, không có bên nào còn tranh chấp, yêu cầu và đề nghị gì khác nên trách nhiệm dân sự trong vụ án HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Do bị cáo K không có nghề nghiệp chính mà sống phụ thuộc cha mẹ, làm nông phụ giúp cha mẹ. Bản thân không có tài sản riêng gì cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về án phí:* Buộc bị cáo K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS:

Xử phạt bị cáo K 06(*Sáu*) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 17 tháng 12 năm 2018.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo K phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2019), yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (03 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn